

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 29/8/2023
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn D**

Ông **Lưu Th**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Hiền B** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST - DS ngày 21/02/2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-DS ngày 26/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-DS ngày 11/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng CT**

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận H, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Đức Th** - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Trần Thị T** - Trưởng phòng Phòng giao dịch Đ. Vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Bá Q**, sinh năm 1978. Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Hoàng Thị Th**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng CT trình bày:

Ngân hàng CT cho ông **Nguyễn Bá Q** vay vốn với số tiền là 1.100.000.000 đồng tại 02 Hợp đồng tín dụng:

+ Hợp đồng tín dụng số 518/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYEN BA Q Ngày 04/5/2019, với số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); thời hạn vay vốn là 12

tháng. Mục đích vay vốn: chăm sóc 1000 cây cà phê và 2000 trụ tiêu. Để đảm bảo khoản vay, ông Q và bà Hoàng Thị Th (vợ ông Q) đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 770/HĐTC ngày 22/4/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, số 152 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, ngày 22/4/2016, số công chứng 779, quyền số 03 VP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 26, với diện tích 18936 m² tại: Tại Xã K, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048886 do UBND huyện Đ cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Nguyễn Bá Q.

+ Hợp đồng tín dụng số 322/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYEN BA Q Ngày 26/3/2019, với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); thời hạn vay vốn là 12 tháng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn chăm sóc rẫy cà phê, tiêu. Để đảm bảo khoản vay, ông Q và bà Th đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 483/HĐTC ngày 29/3/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, số 152 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, ngày 22/4/2016, số công chứng 413, quyền số 04 VP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 177a, tờ bản đồ số 26, với diện tích 10.000 m² tại: Tại Thôn KT, xã K, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 584443 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/12/2007 cho ông Nguyễn Bá Q.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng ông Q và bà Th không thực hiện. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Hoàng Thị Th phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho nguyên đơn tính đến thời điểm ngày 29/8/2023 là 1.754.001.644 đồng. Trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 518/2019-HĐCV/NHCT500 - NGUYEN BA Q ngày 04/5/2019: Số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 289.190.137 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 119.705.753 đồng. Tổng cộng là 1.108.895.890 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 322/2019-HĐCV/NHCT500 - NGUYEN BA Q ngày 26/3/2019: Số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 171.807.124 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 73.298.630 đồng. Tổng cộng là 645.105.754 đồng.

Trường hợp ông Q, bà Th không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 770/HĐTC ngày 22/4/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 483/HĐTC ngày 29/3/2017 để thu hồi nợ.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Đối với chi phí đăng tin là 3.000.000 đồng nguyên đơn là người yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu.

** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đăng tin, tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là ông Nguyễn Bá Q và người có quyền lợi nghĩa*

vụ liên quan là bà Hoàng Thị Th đều vắng mặt nên không có bất cứ lời khai hay lời trình bày nào của ông Q và bà Th tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 1.754.001.644 đồng. Trường hợp ông Q bà Th không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ; Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí đăng tin, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Nguyễn Bá Q và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị Th nhưng ông Q và bà Th đều vắng mặt, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà Th.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cho ông Nguyễn Bá Q vay vốn có thế chấp tài sản với số tiền là 1.100.000.000 đồng. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 518/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYEN BA Q Ngày 04/5/2019, với số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); thời hạn vay vốn là 12 tháng. Mục đích vay vốn: chăm sóc 1000 cây cà phê và 2000 trụ tiêu. Để đảm bảo khoản vay, ông Q và bà Hoàng Thị Th (vợ ông Q) đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 770/HĐTC ngày 22/4/2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, số 152 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, ngày 22/4/2016, số công chứng 779, quyển số 03 VP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 186, tờ bản đồ số 26, với diện tích 18936 m² tại: Tại Xã K, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 048886 do UBND huyện Đ cấp ngày 27/12/2000 cho hộ ông Nguyễn Bá Q.

+ Hợp đồng tín dụng số 322/2019-HĐCV/NHCT500-NGUYEN BA Q Ngày 26/3/2019, với số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng); thời hạn vay vốn là 12 tháng. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn chăm sóc rẫy cà phê, tiêu. Để đảm bảo khoản vay, ông Q và bà Th đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 483/HĐTC ngày 29/3/2017, được công chứng tại Văn phòng công chứng Đ, số 152 Nguyễn Huệ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G, ngày 22/4/2016, số công chứng 413, quyển số 04 VP/CC-SCC/HĐGD. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại: Thửa đất số 177a, tờ bản đồ số 26, với diện tích 10.000 m² tại: Tại Thôn KT, xã K, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 584443 do UBND huyện Đ cấp ngày 03/12/2007 cho ông Nguyễn Bá Q.

Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn đã khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả tổng số tiền còn nợ cho nguyên đơn tính đến thời điểm ngày 29/8/2023 là 1.754.001.644 đồng; Trường hợp ông Q, bà Th không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan hi hành án xử lý tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 770/HĐTC ngày 22/4/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 483/HĐTC ngày 29/3/2017 để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, được chấp nhận.

[3] Về chi phí đăng tin tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú: Nguyên đơn là người yêu cầu đăng tin và đã nộp đủ chi phí đăng tin với số tiền 3.000.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.500.000 đồng, nguyên đơn đã nộp tạm ứng đủ. Vì vậy, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải trả cho nguyên đơn số tiền này.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;
- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.
- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng CT.

Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Hoàng Thị Th phải trả cho Ngân hàng CT số tiền 1.754.001.644 đồng (*Một tỉ bảy trăm năm mươi bốn triệu không trăm lẻ một ngàn sáu trăm bốn mươi bốn đồng*). Trong đó:

Đối với Hợp đồng tín dụng số 518/2019-HĐCV/NHCT500 - NGUYEN BA Q ngày 04/5/2019: Số tiền nợ gốc là 700.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 289.190.137 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 119.705.753 đồng. Tổng cộng là 1.108.895.890 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 322/2019-HĐCV/NHCT500 - NGUYEN BA Q ngày 26/3/2019: Số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, số tiền nợ lãi trong hạn là 171.807.124 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 73.298.630 đồng. Tổng cộng là 645.105.754 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp ông Nguyễn Bá Q và bà Hoàng Thị Th không trả được nợ thì Ngân hàng CT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 770/HĐTC ngày 22/4/2016 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 483/HĐTC ngày 29/3/2017 để thu hồi nợ.

2. Về chi phí đăng tin: Ngân hàng CT phải chịu chi phí đăng tin là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), đã nộp đủ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.500.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp đủ. Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Hoàng Thị Th phải trả cho Ngân hàng CT số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

4. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Bá Q và bà Hoàng Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 64.620.049 đồng (Sáu mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi ngàn không trăm bốn mươi chín đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng CT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 23.073.341 đồng (*Hai mươi ba triệu không trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm bốn mươi mốt đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0005306 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H